

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày 05-4-2024
V/v tranh chấp nợ hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Hồng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ
- Bà Dư Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Như – Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 563/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp nợ hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Phương T**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **Số A, Ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.**

Bị đơn: Ông **Trịnh Hải P**, sinh năm 1984. Địa chỉ: **Số A, Ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.**

(Bà **T** và ông **P** có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2023, các lời trình bày trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bà **Trần Thị Phương T** là nguyên đơn trong vụ án trình bày: Bà **T** với ông **Trịnh Hải P** cùng là đồng nghiệp với nhau làm trong **Bệnh viện đa khoa tỉnh B**. Vào năm 2017, bà **T** có tổ chức nhiều dây hụi do bà **T** làm chủ hụi, ông **P** có tham gia chơi như sau:

1/ Dây hụi khai ngày 10/12/2017 (DL) hụi 2.000.000 đồng, khai theo tháng, khai vào ngày 10 hàng tháng, gom hụi thì sau 03 ngày tính từ ngày có lương hụi gồm 30 chung, ông **P** tham gia 03 chung, tính đến ngày 11/02/2019 thì ông **P** đã hốt

hết cả 03 chung, bà T đã giao tiền hốt hụi đầy đủ cho ông P. Ông P chỉ đóng lại hụi chết đến hết tháng 02/2020 thì ngưng không đóng hụi nữa. Hụi này đã mãn hụi vào tháng 5/2020. Ông P còn nợ lại là 03 kỳ hụi chết với số tiền 18.000.000 đồng.

2/ Dây hụi khui ngày 10/6/2019 (DL) hụi 2.000.000 đồng, khui theo tháng, khui vào ngày 10 hàng tháng, gom hụi thì sau 03 ngày tính từ ngày có lương, hụi gồm 28 chung, ông P tham gia 01 chung, tính đến ngày 10/9/2020 thì ông P đã hốt chung, bà T đã giao tiền hốt hụi đầy đủ cho ông P. Ông P chỉ đóng lại hụi chết đến hết tháng 02/2020 thì ngưng không đóng hụi nữa. Hụi này đã mãn vào tháng 9/2021. Ông P còn nợ lại là 19 kỳ hụi chết với số tiền là 38.000.000 đồng.

Trong quá trình đóng hụi thì vào ngày 20/4/2020, ông P có làm một biên nhận thể hiện có nợ tiền hụi của bà T là tờ giấy có thể hiện nội dung “Tôi tên: **Trịnh Hải P**, sinh năm 21/02/1984. Địa chỉ: **Áp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**..... Tổng 3 đợt là 24.000.000 đ (Hai mươi bốn triệu chẵn)” Trong Biên nhận này chữ ký và chữ viết “21/02/1984...**Áp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, Bạc Liêu** 20/04/2020 chữ ký và chữ viết **Trịnh Hải P**” nội dung này là do ông P ghi. Do giấy hụi này được ghi đến ngày 20/4/2020 nên tính đến lúc đó ông P còn nợ bà T số tiền 24.000.000 đồng, sau đó ông P không đóng đến khi hụi mãn nên đến nay tổng số tiền nợ hụi bà T đã đóng thay ông P là 56.000.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu ông P phải trả số tiền nợ hụi là 56.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất là 10%/năm tính từ ngày mãn hụi đến ngày xét xử là 16.617.500 đồng (Cụ thể là đối với số tiền 18.000.000 đồng thì tính từ ngày 01/6/2020 với lãi suất 10%/năm số tiền là 6.970.000 đồng, số tiền 38.000.000 đồng tính từ ngày 01/10/2021 với lãi suất 10%/năm, số tiền là 9.647.500 đồng), không có yêu cầu gì khác.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 19/3/2024, ông **Trịnh Hải P** là bị đơn trong vụ án trình bày: Ông có nhận được Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải số 563-02/TB-TA ngày 01/3/2024 và Giấy triệu tập số 19/DSST-GTT ngày 01/3/2024 của Toà án **thành phố B**, mời tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải vào lúc 08 giờ 00 ngày 18/3/2024, tuy nhiên do vào thời gian nêu trên ông P có việc bận nên không đến tham dự phiên họp và hoà giải của Toà. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Phương T** thì ông P không có ý kiến trình bày, ông không trình bày ý kiến về nội dung vụ án. Hiện tại, ông vẫn ở địa chỉ trên nên yêu cầu Toà án tổng đạt văn bản tố tụng về nhà của ông tại địa chỉ trên, không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui là 56.000.000 đồng và tiền lãi là 16.617.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn là ông **Trịnh Hải P** trả nợ hui theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông **Trịnh Hải P** có địa chỉ tại **số A, ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu** nên vụ án được Tòa án **thành phố B** giải quyết là theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ hui là 56.000.000 đồng:

[3.1] Xét tờ giấy có thể hiện nội dung “Tôi tên: **Trịnh Hải P**, sinh năm 21/02/1984. Địa chỉ: **Ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**.....Tổng 3 đợt là 24.000.000 đ (Hai mươi bốn triệu chẵn)” Trong Biên nhận này chữ ký và chữ viết “21/02/1984...**Ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, Bạc Liêu** 20/04/2020 chữ ký và chữ viết **Trịnh Hải P**”

[3.2] Thấy rằng, nội dung văn bản trên là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, ngoài ra bị đơn đã được thông báo về nội dung vụ việc nhưng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Bị đơn có tham gia chơi hui do nguyên đơn làm chủ hui và tính đến ngày 20/4/2020 nguyên đơn đã góp thay phần hui của bị đơn đã lĩnh hui (hốt hui) với số tiền là 24.000.000 đồng.

[3.3] Nguyên đơn trình bày sau khi viết biên nhận trên thì bị đơn không trả thêm cho nguyên đơn khoản tiền hui nào cho đến nay. Dây hui khai ngày 10/12/2017 mãn vào tháng 5/2020 và dây hui khai ngày 10/6/2019 mãn vào tháng 9/2021 nên nguyên đơn đã góp thay cho bị đơn tổng số tiền hui là 56.000.000 đồng, phía bị đơn không có ý kiến phản đối. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn đã góp thay phần hui cho bị đơn với tổng số tiền là 56.000.000 đồng.

[3.4] Căn cứ Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về hộ, hui, biêu, phường quy định: “*Trách nhiệm của thành viên không góp phần họ.*”

Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ họ như sau:

- 1. Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên.*
- 2. Trả lãi đối với số tiền chậm góp họ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này.”*

Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ hụi là 56.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu trả số tiền lãi tính kể từ ngày mãn hụi cho đến nay với lãi suất 10%/năm, thấy rằng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 24 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về hộ, hụi, biêu, phường nêu trên thì bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm góp hộ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này và tại điểm b khoản 2 Điều 22 quy định:

“Trường hợp hộ có lãi, lãi suất được xác định theo mức quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự đối với hộ có lãi.”

Mặc dù bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền hụi theo kỳ cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi kể từ ngày mãn hụi đến nay nên yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, số tiền lãi mà bị đơn cần phải thanh toán cho nguyên đơn cụ thể như sau:

+ Đối với dây hụi khai ngày 10/12/2017 mãn vào tháng 5/2020 nên tính từ 01/6/2020 với số tiền nợ hụi là 18.000.000 đồng.

Số tiền lãi: 18.000.000 đồng x 03 năm 10 tháng 14 ngày x 10%/năm = 6.970.000 đồng

+ Đối với dây hụi khai ngày 10/6/2019 mãn vào tháng 9/2021 nên tính từ 01/10/2021 với số tiền nợ hụi là 38.000.000 đồng.

Số tiền lãi: 38.000.000 đồng x 02 năm 6 tháng 14 ngày x 10%/năm = 9.647.500 đồng.

Tổng số tiền lãi là: 16.617.500 đồng

Ngoài ra, căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, bị đơn còn phải chịu tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Về án phí: Bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ là 72.617.500 đồng nên phải chịu án phí là 3.630.500 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 357; Điều 471; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về hộ, hụi, biêu, phường.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Phương T** đối với ông **Trịnh Hải P** về việc tranh chấp nợ hụi.

- Buộc ông **Trịnh Hải P** có trách nhiệm trả cho bà **Trần Thị Phương T** tổng số tiền 72.617.500 đồng (*Bảy mươi hai triệu sáu trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng*), trong đó nợ gốc là 56.000.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu đồng*) và nợ lãi là 16.617.500 đồng (*Mười sáu triệu sáu trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng*).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông **Trịnh Hải P** phải chịu án phí là 3.630.500 đồng (*Ba triệu sáu trăm ba mươi ngàn năm trăm đồng*).

Bà **Trần Thị Phương T** không phải chịu án phí. Bà **T** đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.400.000 đồng (*Một triệu bốn trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002708 ngày 11/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử công khai, người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hồng Trinh

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Số: 01/2022/QĐ-SCBSBA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Bạc Liêu, ngày 18 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi rõ ràng về chính tả trong bản án số 02/2022/DSST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1979; Địa chỉ: **Số A, khóm B, phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**. Người đại diện theo ủy quyền của bà **L**: Anh **Vũ Văn H**, sinh năm 1987. Địa chỉ: **Khóm A, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**; (văn bản ủy quyền ngày 24/5/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **L**: Luật sư **Cao Thị Túy G** – Chi nhánh **Văn phòng L1**, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà **Phạm Hồng N**, sinh năm 1967. Địa chỉ: **Số A, khóm B, phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đoàn Minh T1**, sinh năm 1965. Địa chỉ: **Số A, khóm B, phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 02/2022/DSST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Bạc Liêu như sau:

Tại dòng thứ 03 từ dưới đếm lên, trang 7 của bản án đã ghi: “đó nợ gốc là 244.095.000 đồng (*hai trăm bốn mươi bốn triệu không trăm chín*)”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “đó nợ gốc là 244.095.000 đồng (*hai trăm bốn mươi bốn triệu không trăm chín*)”

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát Tp. Bạc Liêu;
- Cơ quan thi hành án Tp. Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Trinh

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 15 ngày 06 tháng 02 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Thị Tuyết A**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch H1**

2. Bà **Dư Thị Út**.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 44/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 03 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, thuê nhà và vay tài sản” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị H2**, sinh năm 1975. Địa chỉ: **Số 1 đường Đ, khóm E, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.**

2. *Bị đơn*: Ông **Ngô Văn Đ**, sinh năm 1956 và bà **Nguyễn Thị Thanh T2**, sinh năm 1962; Hộ khẩu thường trú: **Số 1 đường Đ, khóm E, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**; nơi cư trú: **Số B đường Đ, khóm E, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc**

Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Lâm Quốc T3**, là luật sư **công ty L2** hợp danh **Tạ Nguyệt T4** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh B**.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh **Ngô Kim Đ1**, sinh năm 1989.

Chị **Ngô Thúy N1**, sinh năm 1994.

Hộ khẩu thường trú: **Số I đường Đ, khóm E, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**; nơi cư trú: **Số B đường Đ, khóm E, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, các nội dung sau:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ vào Điều 129, 131, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị H2** đối với ông **Ngô Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị Thanh T2**.

1.1. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất) số 000591 ngày 30 tháng 03 năm 2015 giữa ông **Ngô Văn Đ**, bà **Nguyễn Thị Thanh T2** và bà **Trần Thị H2** vô hiệu.

1.2. Buộc bà **Trần Thị H2** trả cho ông **Ngô Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị Thanh T2** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN394152 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 16/01/2013 cho ông **Ngô Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị Thanh T2**.

1.3. Buộc ông **Ngô Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị Thanh T2** trả cho bà **Trần Thị H2** tổng số tiền 458.412.030 đồng (*Bốn trăm năm mươi tám triệu bốn trăm mười hai nghìn không trăm ba mươi đồng*). (Trong đó tiền nợ gốc là 388.000.000 đồng và nợ lãi là 70.412.030 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị H2** yêu cầu ông **Ngô Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị Thanh T2** trả 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) tiền thuê nhà.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà **Trần Thị H2** phải nộp 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), bà **H2** đã nộp đủ.

4. Chi phí giám định: Ông **Ngô Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị Thanh T2** phải nộp toàn bộ chi phí giám định là 5.420.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*), ông **Đ** và bà **T2** đã nộp đủ.

5. Về án phí:

Buộc bà **Trần Thị H2** nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Bà **Trần Thị H2** đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 13.425.000 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu theo biên lai thu tiền số 0007355 ngày 21/3/2017, đối trừ bà **H2** được hoàn lại 11.125.000 đồng (*Mười một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Buộc ông **Ngô Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị Thanh T2** cùng có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.336.481 đồng (*Hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi một đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành

Nghị án kết thúc vào hồi giờ..... phút, ngày tháng năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA